

THỈNH QUÁN ÂM KINH SỞ XIÊN NGHĨA SAO

QUYỂN 2

Kế là y theo hai nghĩa để giải thích tiêu phục. Trước y theo một nghĩa, chỉ y theo Viên mà luận. Ở đây y theo hai nghĩa Thiên Viên hợp lại để luận. Bộ thuộc Phương Đẳng cho nên phải bao gồm cả. Tiêu trừ tức chẳng dứt bỏ nghĩa viên này. Tiêu diệt tức là dứt bỏ nghĩa biệt, diệt là tử diệt, như làm mất mạng rắn hổ mang độc. Sự dứt bỏ hay không dứt bỏ này nếu y theo giới nội giới ngoại thì tức là bốn giáo. Giới nội dứt bỏ là Tạng, chẳng dứt bỏ là thông giới ngoại. Biệt viên như trước đã nói. Trừ phục là dứt bỏ, bình phục là chẳng dứt bỏ. Trước lấy trừ đối diệt thì diệt tử trừ sanh. Nay lấy trừ đối bình thì bình không đời đối. Trừ còn thay đổi biến động. Cho nên phải dùng bình đối không dứt bỏ. Có nặng nhẹ hay không nghĩa là có người ba chương đều nặng, cần ba lần này, có người nghiêng nặng về báo chương, hai chương kia nhẹ. Nhưng đối trị sự nặng nhẹ thì tùy theo mà dứt bỏ, các trường hợp còn lại rất dễ hiểu. Vô ngại Đà-la-ni, như Pháp Hoa nói ba Đà-la-ni một toàn tức từ giả nhập không, hai trăm ngàn muôn ức toàn tức từ không nhập giả. Toàn chuyển phân biệt, ba pháp âm phương tiện tức là hai quán phương tiện, được nhập trung đạo, hiểu tất cả âm thanh lời nói, cũng có thể một âm nói pháp tùy loại đều hiểu. Được ba thứ này: Tức là nhập Đà-la-ni Vô ngại. Đây đủ tất cả Đà-la-ni cho nên nói bậc nhất. Tam-muội hoặc Tam-ma-đề, Hán dịch là chánh định. Vương Tam-muội tức một trăm lẻ tám Tam-muội như Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm v.v... đều là Trung đạo nhất tâm nên gọi là Tam-muội Vương. Nhưng Đà-la-ni là tuệ tánh, Tam-muội là định tánh, chẳng hai mà hai, cho nên chia thành hai thứ khác nhau. Ở trong nhân, tu nhất tâm chỉ quán, về mặt quả chứng hai pháp này. Pháp Hoa Sở chép: Tam-muội và Đà-la-ni thể là một mà dụng khác. Tịch dụng là Tam-muội, trì dụng gọi là Đà-la-ni. Ở đây dẫn Đại luận chính là nói kinh này. Thần chú là Đà-la-ni trung đạo vô ngại.

Lại dẫn Tam-muội vương, ý nói tuệ này tức định, chẳng hai mà hai, hai mà chẳng hai. Ngăn ba chướng v.v... nghĩa là do ngăn ác chẳng khởi là nghĩa tiêu trừ. Cho nên kinh nói: Tiêu trừ ba chướng, không có các điều ác, giữ gìn điều lành chẳng mất là nghĩa điều phục. Cho nên kinh nói: Năm nhân đầy đủ thành Bồ-đề. Chú tức là nguyện, tức giải thích nghĩa đề kinh, chữ chú, là Đại Thánh thuyết Đà-la-ni này, chỉ là chú nguyện chúng sanh như Phật; Thí như lau sậy chú nguyện muỗi mòng. Nhưng Đà-la-ni là tiếng Phạn, chữ chú là tiếng Hán, đề kinh ghép chung Hán Phạn. Cho nên nói chú Đà-la-ni. Nếu vậy sao nói Đà-la-ni Hán dịch là gia trì! Đáp: Người xưa thấy bí mật nên chẳng giải thích. Ví như pháp cấm chú v.v... cõi này với tên chú chỉ có phiên âm mà thôi. Nhưng cũng không mất nghĩa giá trị. Vì sao? Vì chú đã huấn nguyện, như bốn nguyện của Bồ-tát, hai nguyện như gốc khổ là ngăn điều ác, hai nguyện cho vui là giữ điều lành. Cho nên biết ý nghĩa của chú và gia trì quy về một mối. Kinh là giáo, là lời dạy bảo, chỉ dạy về pháp, chỉ dạy về thường. Có phiên dịch, không phiên dịch đều chỉ cho những lời giải thích xưa, tức lời giải nghĩa của các bậc thầy cõi người xưa nay. Nay chỉ có huấn giáo tức bốn giáo, đều là kinh, lời lược ý, tròn, không cần lời khác. Dư số tức chỉ Phổ Môn Huyền Nghĩa. Nhưng tuy chỉ cho Phổ Môn Huyền Nghĩa những vẫn có khác chút ít. Nói về thể thì chẳng đồng, như trước đã chép. Lại nữa, kia đây cùng cảm ứng làm tông, kia là Pháp Hoa chính là y, theo cơ cảm Viên giáo mà viên ứng. Tuy nói ba giáo nhưng mục đích là khai quyền. Nay kinh Phương Đẳng nghiêng lệnh rõ ràng. Nói Phổ môn thị hiện, chính lấy từ bi làm dụng, thời cho vui nhờ gốc khổ cả hai đều nói. Đây là nói Xá-li cầu cứu, là lấy cứu nguy làm dụng, nhờ gốc khổ làm chính. Kia nói giáo tướng, ngay nơi thiên mà viên, ở đây nói giáo tướng, thiên viên ngăn cách. Nên ở khác nhau không được xem đồng, bốn nghĩa đã trình bày ở các số khác. Lại trình bày tông chỉ cảm ứng: do kinh ngày nay lấy cảm ứng làm cốt yếu, cơ có ở khắp mười cõi, ứng thông bốn giáo, mỗi thứ đều có đủ bốn câu, tướng kia khó biết. Cho nên ở đây lược nêu bốn câu:

1. Minh cơ minh ứng. Nếu quá khứ khéo tu ba nghiệp, hiện tại chưa vận dụng thân miệng, chứa nhóm năng lực lành gọi là minh cơ. Tuy chẳng hiện thấy linh ứng mà mật là Pháp thân có ích, chẳng thấy chẳng nghe mà hiểu mà biết, chính là minh ích.

2. Minh cơ hiển ứng: Quá khứ gieo trồng gốc lành, minh cơ đã thành, liền được thấy Phật nghe Pháp, hiện tiền được nhiều lợi lạc, đó là hiển ích. Như Phật ban đầu ra đời người được độ đầu tiên, hiện tiền

chưa hề tu hành, các Đức Phật thấy hạt giống xa xưa, tự tìm đến để độ tức là nghĩa ấy.

3. Hiện cơ hiển ứng: Hiện tiền thân miệng siêng năng mà được cảm giáng. Cho nên Nguyệt Cái cúi mình, Thánh ở trong cửa. Lại, như người thực hành ở chốn đạo tràng lễ sám khiến được giao cảm linh ứng là hiện cơ hiển ứng.

4. Hiện cơ minh ứng, như người một đời siêng năng khổ nhọc, hiện tại chứa nhóm gốc lành mà chẳng có triệu chứng gì âm thầm cảm mà có lợi ấy, đây là hiện cơ minh ích. Nếu theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa, lại chia ra bốn câu để thành ba mươi sáu câu Cơ ứng... ở văn ấy có nói rõ. Từ chữ ĐỀ v.v... trở xuống là tên người dịch. Họ Tư Mã ở Kiến Khang, đó là đời Trúc-nan-đề, Đông Tấn, Hán dịch là Hỷ, người xứ Tây Vực, vào đời chúa Cung Đế năm thứ mười một, niên hiệu Nguyên Hy năm đầu, tức năm Kỷ Mùi đến đất này dịch truyện. Hoặc lúc bấy giờ v.v... tức người khác phân chia kinh. Ở đây y theo người trước, vị Sư này lấy chú thứ tư làm hộ kinh, thuộc phần lưu thông sanh khởi ba đoạn. Như văn riêng, Quang Minh Sở chép: tựa bốn là tựa thông với chánh, chánh bốn là chánh thông với tựa. Thông bốn là thông với tựa chánh, tức là sanh khởi. Ở phần đầu tiên nên gọi là sơ: Sáu việc như vậy v.v... là phần đầu của mỗi kinh. Cho nên thần quang nhóm hợp như Pháp Hoa phát ra ánh sáng động đất, Tịnh Danh hợp lọng hiện cõi, ý nói giạt mình sợ hãi. Tập là gom nhiều thứ lại. Ngôn luận kích phát, như Pháp Hoa, Văn-thù, Di-lặc hỏi đáp giải thích nghi ngờ, Tịnh Danh, Bảo Tích, nói kệ, thuật tán, đều gọi là thuật tự. Dẫn ví dụ v.v... nêu các kinh khác làm ví dụ như văn trên đã dẫn. Nếu theo kinh ngày nay thì lấy Xá-ly bệnh khổ làm lý do, Nguyệt Cái thỉnh Phật làm thuật. Đồng có thứ tự, sáu việc là đồng. Nên nói rằng, do nương vào lời Tựa mà soạn, mỗi thứ đều khác nhau không nói lời, tựa trình bày văn sơ lược. Như kinh khác phần nhiều lấy tướng tốt làm lý do, đăng nghi làm thuật. Kinh này lấy bệnh nặng làm lý do, cầu cứu làm thuật, cho nên nói đều khác nhau. Ở đây gom ba tựa trước làm thành hai tựa chung và riêng. Trước hết là giải thích, kế là sơ văn, trong lời tựa còn sơ lược. Chỉ chung cho các giải thích xưa. Ở đây y theo các số, giải thích khoa sáu nghĩa. Tất cả các kinh đều để ở sáu thứ này đầu. Đại luận chép: Phật sắp Niết-bàn, A-nan hỏi Phật ở đâu tất cả kinh để lời gì? Phật đáp: A-nan: Nên đặt câu tôi nghe như vậy, một thuở no Đức Phật tại chỗ ấy, nước ấy đại chúng gồm những vị ấy, chẳng phải chỉ riêng pháp ta như vậy mà các Đức Phật trong ba đời, ở đâu các kinh cũng đều như vậy. Cho nên biết

rằng, sáu nghĩa là tựa chung. Một là Như vậy, tức thể của pháp được nghe. Phật nói đúng như tướng pháp, A-nan như tướng nghe mà truyền. Cho nên nói Như. Phật giải thích đúng như pháp tướng, A-nan thọ đúng như hải lượng. Cho nên nói là vậy. Hai là tôi nghe tức người nghe giữ gìn, A-nan và thính chúng thuật lại ý chỉ của Phật, đích thân nhận lãnh chẳng sai lầm. Cho nên nói là tôi nghe. Ba là một thuở nọ: Là chỉ cho nghe và giữ gìn hòa hợp, chúng sanh cảm pháp, Phật từ bi trao cho pháp, thời gian cơ ứng, cho nên nói một thuở nọ. Bốn: Là Phật là Giáo chủ năng thuyết. Phật-đà, Hán dịch giác giả, là tri giả, nghĩa là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, tự giác khác với phàm phu, giác tha khác Nhị thừa, giác mãn khác với Bồ-tát năm Trụ.

Tỳ-xá-ly: Hán dịch là Quảng bác nghiêm tịnh, nước ấy rộng rãi bằng phẳng gọi là quảng bác, thành ấp đẹp đẽ trang nghiêm gọi là Nghiêm Tịnh. Quán giải: nhất tâm ba quán năng quán tâm tính, giống như hư không, tức đầy đủ hai thứ phước tuệ, trang nghiêm không nhiễm, không đấm. Vườn cây Am-la: am-la là tên quả, vì cây đầy vườn cho nên nói vườn cây am-la, quả ấy giống như quả đào, có chỗ nói giống quả nài. Cây này nở hoa, hoa sanh ra một cô gái, người trong nước khen lạ, bèn tặng khu vườn cho cô gái. Vườn đã thuộc cô gái, cô gái giữ gìn chăm sóc, nên gọi vườn cây Am-la. Điều thiện đời trước thâm huân xông thấy Phật bèn khen ngợi vui mừng, dâng khu vườn lên Đức Phật. Phật thọ nhận, làm chỗ trú ở. Quán giải: Ba quán quán tâm, tâm tánh chẳng động mà tu đạo phẩm. Nhân khởi bi thệ, gốc lành vững chắc, thành các tổng trì, liền trú trong vườn. Sở nói: như vậy: Chử vậy nên nói là đẳng, nghĩa là đẳng thủ năm việc còn lại. Các văn sở như Tinh xá Đại lâm v.v... chỉ còn lý giải, nhưng hưởng hạ tiêu kinh, phần nhiều không giải thích các việc.

Tùy bịnh tùy cơ gồm có bốn ý:

1. Chấp giáo quên hành.
2. Được sự mất lý.
3. Nghĩa dễ quán khó.
4. Tình hạn cuộc, tánh cùng khắp.

Nêu hành, nêu lý từ khó đến dễ. Hơn nữa, y theo lý nói về nghĩa. Ví dụ nói một người quán tâm, chẳng ngoài ba thứ: theo hành, phó pháp, thác sự. Ước hành thì còn ở chỉ quán, sự pháp thì có khắp ở các văn. Nhưng, nên hiểu sâu xa tâm tánh nói trong chỉ quán, nhiếp khắp cả tam thiên, tất cả Đại Tiểu, lý hoặc, trí hành, vị giáo, hoặc y, hoặc chánh chẳng lìa tâm mình mới rõ. Các văn đều tùy sự, biểu đối ý ấy có chỗ

trở về. Cho nên biết rằng, Quán tuy có ba, nhưng ý chỉ ở một mà thôi, vì phụ pháp thác sự, phò thành ước hành. Ở đây giải thích tinh xá Đại lâm tức phụ sự quán tâm. Cho nên nói muôn đức đều y theo tâm mình, chẳng chỉ cho quả nào khác. Nếu chỉ quả khác là quên tự cảnh. Nếu rõ tâm cảnh tự tức tha. Cho nên tha tức tự, chẳng rõ cảnh này thì tự vẫn thành tha, huống chi quán tha ư!

Hỏi: Tịnh Danh số giải thích Tỳ-xá-ly v.v... đều y theo ba nghĩa:

1. Sự thích.
2. Y theo pháp môn.
3. Y theo quán tâm.

Nay số đã bao gồm hai đế nên gọi là Đại v.v... Chính là y theo pháp môn thích, nên chẳng phải gá sự quán tâm.

Đáp: văn nghĩa tùy tiện không có tiêu chuẩn nhất định. Vì trong kinh Tịnh Danh có các văn pháp hỷ là vợ v.v... Văn nói rằng, các Đức Phật giải thích nói ra là nhắm vào sự mong cầu trong tâm hành chúng sanh. Đã có hai văn, nên có hai giải thích. Nếu các văn chỉ lấy pháp môn biểu đối, tức quán tâm này như chỉ quán, Phổ Hiền, voi trắng, Phương đẳng, phước lọng, đàn tràng v.v... ở đây đều biểu đối pháp môn mà nghĩa chỉ như gá sự quán tâm, cho nên phải tùy văn phong mà y theo duy biến thích hợp, do đó, nay số biểu tức là quán tâm. Bao gồm hai đế thì ngay nơi bìa là giữa, cho nên nói bao gồm muôn đức. Dưới là quả, trên là muôn đức và lý vốn sẵn đủ, vốn đầy đủ gọi là tông lâm. Tinh không có tám đảo, trung đạo tinh thuần, chẳng xen tạp hai bên, xa lìa tám thứ điên đảo: thường, vô thường v.v... Như Niết-bàn tức phẩm Trần-như trong Đại Kinh. Quán sắc bất tịnh: nên nói quán sắc tịnh bất tịnh, tịnh tức là có, bất tịnh tức không, đạt được thường sắc tức là Trung đạo. Chân thường phá được hai bên, Chân thường này cũng gọi là phi thường, phi vô thường. Ở đây văn từ lược gọn. Nếu nói đầy đủ thì nên nói quán thọ là khổ, là vui. Nhân diệt là thọ, đạt được thường thọ. Cho đến quán thức là thường, vô thường, nhân diệt là thức, đạt được thường thức, nhưng vẫn nói thường đức, ba thứ thường, lạc, ngã cũng vậy. Nay trong năm thứ, nêu sơ lược sắc ấm nên gọi là quán sắc, trong tám đảo lược nêu bất tịnh, trong bốn đức lược nêu đức thường. Điều nói đầy đủ. Năm ấm là cảnh sở chấp, tám đảo là tâm năng chấp, bốn đức là lý sở hiển. Chỗ hiển bày của Lý này chính là năm ấm, gọi là năm Niết-bàn. Một ấm trừ chung tám đảo là nói theo cảnh riêng, quán chung, cho nên quán một ấm thì dứt được tám đảo. Mười tám không: Không chỉ là một, do phá mười tám thứ nên có tên mười tám không, đó là nội không,

ngoại không, nội ngoại không, cho đến hữu pháp vô pháp không. Trùng không quán: dùng trung đạo chánh quán thì không có cái Hữu của sanh tử, không có cái Vô của Niết-bàn, đó gọi là Trùng không quán. Kinh và đại Tỳ-kheo trở đi là chúng văn trì thứ sáu. Đây là những bậc chứng A-la-hán và đại chúng cùng nghe, đâu phải truyền lầm. Sở dĩ, trước Thanh văn, kế là Bồ-tát, sau là trời rồng: Hai thừa dính mắc không, phàm phu dính mắc có, Bồ-tát chẳng dính mắc, thường thực hành không hai cho nên ở giữa. Có năm v.v... trở xuống nên chia kinh làm năm, một là số, hai là vị, ba là khen, bốn là tên, năm là kết. Ban đầu là số, ở giữa là cho là cộng. Một ngàn hai trăm năm mươi: Ba anh em Ngài Ca-diếp có ngàn vị đệ tử, (Ưu-lâu-tần-loa có năm trăm vị, Đà-da có ba trăm vị, Na-đê có hai trăm vị), Thân tử, Mục-liên có hai trăm năm mươi vị đệ tử, Ca-diếp, Xá-lợi-phất... trước đều theo đạo thờ lửa. Bỏ tà theo chánh, đắc được thiện quả, cảm ân Phật sâu dày nên thường theo hầu Phật. Đó là chúng đồng văn. Tỳ-kheo, Hán dịch là Trừ căn, chúng sanh phước mỏng ở nhân địa, không có pháp tự nuôi dưỡng, quả báo thường thiếu thốn đói khát. Xuất gia giới hạnh là ruộng phước tốt, có công năng sanh ra các vật, khéo dứt nhân quả đói khát thiếu thốn, hoặc có chỗ không phiên dịch, bao gồm ba nghĩa, một là Phá ác, như mới đắc giới liền gọi là Tỳ-kheo, dùng ba lần yết-ma phát luật nghi thiện, cho nên nói phá ác. Hai là Bố ma, tức phá ma-la ác, các ma sợ Tỳ-kheo ra khỏi cõi của chúng, sợ Tỳ-kheo giáo hóa quyến thuộc của chúng nên sanh lo sợ. Ba là Khất sĩ, người xuất gia, trong tu đạo đức, xa lìa bốn tà hạnh, mong cầu nuôi thân gọi là Khất sĩ. Ba nghĩa này chung cho cả sơ tâm, hậu tâm. Các nhà dịch kinh đã nêu đều là hậu tâm. Hai là A-la-hán, Hán dịch là Vô trước, hoặc nói Vô phiến, gồm có ba nghĩa: đó là Bất sanh, Sát tặc, Ứng cúng. Vô hạt lúa vô minh đã bóc, trong đồng ruộng đời sau chẳng còn chịu quả báo sanh tử. Cho nên nói Bất sanh. Chín mươi tám sử hoặc đã dứt hết nên gọi là Sát tặc. Đầy đủ công đức của trí đoạn, thật xứng đáng là ruộng phước của trời, người, nên gọi là Ứng cúng. Ba là năm câu văn kinh trong phần khen ngợi: Hai câu đầu nói về sở phá thán, hai câu kế nói về năng phá thán, câu cuối nói về quả dụng thán. Pháp bị phá đầu tiên là nhân quả thế gian. Các lậu là nhân, là quả. Các lậu là ba lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Thanh luận nói rằng: Đánh mất đạo nên gọi là lậu. Luật nói người si gây ra nghiệp ác, mở các cửa hữu lậu. Tỳ-đàm nói lậu rơi vào sanh tử. Luận và luật lời văn khác nhau mà cùng nói nghĩa lậu. Hữu lậu tức hai mươi lăm hữu sanh xứ. Nhân hiện tại đã hết, quả sau chẳng sanh là quả mất. Kế là năng phá, tức định tuệ

vô lậu. Như luyện vàng ròng, Châu Tùng nói nấu chảy vàng làm cho trở nên tinh ròng gọi là luyện, nấu Tơ cho chín gọi là luyện, cho nên chữ có bộ kim. Số chép: khen chung là khen ngợi chung. Tu định học tuệ giống như luyện vàng, thường luôn nhập định, chuyển thành minh tịnh. Lại nữa, luyện vàng là nói về dụ thán. Trừng tịnh là nói về pháp thán. Dụ chung mà pháp riêng. Hợp lại mà nói, thì Trừng là khen tuệ, tịnh là khen định. Nay nói, Trừng là khen định v.v... là văn nhâm lẫn. Cối sắc v.v... trở xuống: Là nói về hữu lậu vô lậu để giải thích các định. Bốn thiền bốn không là định hữu lậu, tám bối xả là định vô lậu.

Tám bối xả trước:

1. Nội hữu sắc tướng, ngoại quán sắc. Vị ở Sơ thiền có thể xả tự địa và hạ địa, gọi là bối xa.

2. Nội vô sắc tướng ngoại quán sắc.

3. Tịnh bối xả thân tác chứng hậu năm bối xả.

4. hư không xứ bối xả.

5. Thức xứ bối xả.

6. Vô sở hữu xứ bối xả.

7. Phi hữu tướng Phi vô tướng bối xả.

8. Diệt thọ tướng bối xả.

Tám thứ xả này gọi chung là bối xả.

Trí luận nói bối là tịnh khiết năm dục. Xả tâm mê đắm nên gọi là bối xả. Nếu phát tuệ vô lậu chân thật, dứt bỏ hết kiết nghiệp của ba cõi thì gọi là tám giải thoát. Cho nên nói biết được giải thoát v.v... thân tâm lóng sạch thanh tịnh. vân vân là các thiền vô lậu tám thắng xứ, mười nhất thế xứ v.v... đều là thân tâm lóng sạch thanh tịnh. Sáu thông vô ngại là dụng về mặt quả. Sáu thông là thiên nhãn, thiên nhĩ biết tâm địa của người khác, mạng đời trước, thân như ý, lậu sạch hết. Bốn, gọi là văn kinh nêu sơ lược mười ba tôn giả. Thân tử là tuệ bậc nhất, do đại trí nêu lên. Xá-lợi-phất nói đủ Xá-lợi-phất-la, Hán dịch thân tử, vì mẹ ngài hình sắc tốt đẹp sanh ra Ngài, nên gọi là Thân tử. Lại dịch là Châu tử mẹ Ngài là người thông minh nhất trong các người nữ. Tướng thông minh nằm trong lòng mắt nên gọi là Châu tử. Người đương thời dùng con để nói về mẹ nên đặt hiệu này. Tân dịch là Xá-lợi-phất-đát-la, Xá-lợi Hán dịch là Thu, là con chim trăm lưỡi. Cũng gọi là xuân thu. Phát-đát-la, Hán dịch là tử. Vì mẹ Ngài có tài hùng biện dụ như chim thu. Đây là kia dùng con để hiển bày mẹ, nên nói là Thu tử. Họ Mục-kiền-liên, Hán dịch là Tấn tụng. Kinh Văn-thù vấn dịch là giáp phục căn, Chân-đế nói vật-già-la Hán dịch là Hồ đậu, hai vật mà các vị tiên ngày

xưa tiên rất ưa thích, do đó nên đặt tên dòng họ. Tân dịch là Ma-ha-một-đặc-già-la, Hán dịch Đại Thái thúc thị. Thời thượng cổ vị tiên ở chỗ vắng lặng trong núi thường hái đậu xanh mà ăn, do đó mà đặt tên. Mẹ của Tôn giả là thuộc dòng họ ấy, do đó lấy họ mẹ làm tên, có thần thông rộng lớn, vì để phân biệt với các tên khác cho nên gọi là Đại Thái thúc thị. Gọi câu-luật-đà, câu-luật là tên cây. Cầu nguyện với thần cây mà được con, do đó lấy làm tên. Tân dịch là Tùng Phụ. Vốn tên là Câu-lợi-ca, cũng gọi là câu-lệ-đa. Ma-ha-ca-diếp, Hán dịch Đại Quy thị, dòng dõi Bà-la-môn, đời trước Ngài học đạo, rửa thân nhờ tiên mưu lược mà ứng, từ đức mạng tộc nên gọi là quy thị. Lại dịch là Âm Quang, thời thượng cổ có vị tiên thân phát ra ánh sáng chiếu soi che cả mặt trời, mặt trăng. Ca-diếp là dòng dõi của Ngài, do họ mà được tên, nên gọi là Âm Quang. Nói Đại, ngoại trừ Ca-diếp thì Ma-ha-ca-chiên-diên, Hán dịch Văn sức, cũng dịch là Phiến Thăng. Mẹ thương mến đứa con này nên chẳng chịu cái giá, như dây buộc quạt. Tân dịch âm là Ma-ha Ca-đa-diễn-na. Tu-Bồ-đề, Hán dịch là Không Sanh, khi sanh Ngài thì các kho v.v... trong nhà đều trống rỗng, thầy bói nói tốt, do không mà sanh nên đặt tên là Không Sanh. hoặc dịch là Thiện Cát. A-nậu-lâu-đà cũng gọi là A-na-luật, cũng gọi là A-nê-lâu-đậu. Hán dịch là Vô Bản. Xưa, ở thời đói kém Ngài cúng dường vị Bích-chi-phật ngọn cỏ đắng để ăn, được phước báu chín mươi một kiếp đầy đủ, nên gọi là Vô Bản. Tân dịch âm là A-nê-luật-đà, Hán dịch Vô Diệt. Kiếp-tân-na, Hán dịch là Phòng Tú, cha mẹ cầu nguyện trước cửa phòng ngủ mà cảm sinh ra Ngài. Cho nên dùng phòng ngủ để gọi sanh thân. Lại dịch là Phòng Túc. Phật vì người ngủ cùng phòng hóa thành vị Tỳ-kheo già, nói pháp cho nghe, nhờ đó mà đắc đạo, nên gọi là Phòng Túc. Ngài Từ Ân cho rằng Phòng Tinh Phòng Tinh hiện thời sanh ra. Kiều-phạm-ba-đề, Hán dịch là Ngưu Ha. Kinh Vô lượng thọ dịch là Ngưu Vương. Tăng nhất nói trâu xưa quá khứ vì hái vài hạt trên thân cây lúa rớt xuống đất mà năm trăm đời làm thân trâu trả nợ cho người. Nay tuy làm người vẫn có tướng móng chân trâu, nhơi như trâu. Tân dịch âm là Cấp-phòng-bát-đề, Hán dịch là Ngưu Tướng. Tất-lăng-già-bà-sa, Hán dịch là Dư Tập. Trong năm trăm đời làm Bà-la-môn tánh ác, lời nói thô tục. Nay tuy chứng quả, thói quen xưa vẫn còn. Như mắng thần sông nên gọi là Dư Tập. Tân dịch âm là Tất-lan-đà-phạt-sa. Bạc-câu-la, Hán dịch là Thiện Dung, do sắc mạo khôi ngô. Thọ một trăm sáu mươi tuổi, không bệnh, không chết yểu. Có năm quả báo bất tử, sau mẹ đặt Ngài trong cái chảo bằng đồng, bị cá trong nước ăn thịt, dao chặt đều chẳng chết. Nhờ xưa

giữ giới bất sát cho nên chín mươi một kiếp mạng chẳng chết yếu. Xưa, làm người nghèo, cho vị Tỳ-kheo bệnh một trái a-lê-lặc, uống vào bệnh liền lành, cho nên nay không bị bệnh, tân dịch là bạc-cự-la. A-nan, Hán dịch là Thiện Hoan hỷ, cũng dịch là Hân lạc, cũng dịch là Hỷ căn bản, là người chăn trâu, do hỏi Phật mười một việc chăn trâu mà biết Phật có trí Nhất Thiết, chứng được quả A-la-hán. A-nan-đà, Hán dịch là Hoan hỷ, cũng gọi là Khánh hỷ. Đức Thế tôn thành đạo trong nước ngoài nước đều vui mừng, đang khi vui vẻ sanh ra Ngài nên gọi là Khánh hỷ. La-hầu-la, Hán dịch Phú Chướng. Ngài Chân-đế cho La-hầu vốn là tên của Tu-la, dùng tay che mặt trời, mặt trăng. Trong trường hợp này nên dịch là Phú Nguyệt. Phật dạy pháp ta như mặt trăng, đứa trẻ này chướng ngại ta, nếu chẳng được xuất gia ngay thì đời đời sẽ chướng ngại ta, ta đời đời có thể xả bỏ nên gọi là Phú Chướng. Tân dịch âm là La-hổ-la, Hán dịch Chấp Nhật. Sở dĩ xưa nay lời nói khác nhau ấy đều do cảnh của năm Thiên-trúc, bờ cõi khác nhau, Kinh Phạm truyền đến, xứ này có khác nhau. Ví dụ như đất này, Hậu hán đóng đô ở Lạc Dương, Đông Tấn chuyển về Kiến Nghiệp, hoặc sách Hán trước truyền ở Thân-độc, tất cả đều lấy âm bắc làm chính. Người Tấn sau đến Trúc can, đều lấy tiếng nói phương Nam làm chính. Cho nên nói việc nói ra đều mâu thuẫn. Vì ở đây là nói tiếng Phạm xưa nay, chưa hẳn là lầm lẫn hết. Mọi người đều biết, nghe danh kính đức là Tri, thấy hình kính phục là thức. Bồ-tát chúng v.v... trở xuống là chú thích v.v... nên chia kinh làm bốn: một là số, hai là khen, ba là danh, bốn là kết. Y theo nhân: Vả lại như Viên giáo ban đầu duyên vô tác mà phát tâm, cho đến Đẳng giác bờ mé trí tròn đầy, đều gọi là nhân. Quả gôn là quả Phật, như trăng ngày rằm, Đẳng Giác như trăng ngày mười bốn, gôn nhau. Đại trí v.v... trở xuống là giải thích chung bốn câu. Giải hành này đều thuộc về phần chân. Mắt đầy đủ, vì mắt dùng để thấy nên dụ cho giải, chân dùng để đi nên dụ cho hành. Mắt hướng dẫn chân đi cho nên có chỗ đến. Ao mát dụ cho ba đức Niết-bàn. Nếu y theo v.v... trở xuống: Ba giáo đương phần đều có đại nghĩa, như đối với ba thứ phi trước của Viên giáo là Đại. Đại luận nói: nay ta sức muốn giảng nói nghĩa tướng thật của bờ kia đại trí. Nên biết đại trí tức là pháp quán quán thật tướng các pháp, cũng có nhất thế trí v.v... trở xuống, sợ thiếu ba chữ “Trí Đạo chủng”. Tên khác nhau về chung riêng, quán Trung đạo là chung, chiếu hai bên là riêng, tức riêng mà chung, biên tức trung, hai trí tức trí Nhất thiết chủng, tức chung mà riêng, trung tức biên cho nên trí nhất thiết chủng là hai trí, ba trí viên dung, chung riêng một thể. Ví như dưới đây nêu Tiểu làm ví dụ. Hóa

đạo là y theo hóa tha. Cho nên dẫn khuyến học để làm chứng. Từ gốc khởi hạnh là nương trí tu hành. Cho nên trí là hạnh gốc, hạnh của trí gia nên nói là bổn hạnh. Như Bát-nhã v.v... trở xuống: Kinh ấy khuyên học Bát-nhã. Nghiệm biết các hạnh vô trí chẳng thành, cho nên từ đại trí vốn nhất tâm đầy đủ các Ba-la-mật, Kinh Kim Quang Minh nói: Trí Nhất Thiết Chúng là căn bản, được vô lượng công đức trang nghiêm, cũng là ý này. Nên biết vâng theo giáo thì sanh trí, vì trí dẫn dắt hành, hành sẽ nhập lý, cho nên cùng giải thích trước đều là biểu lý. Châu là báu, vốn dùng châu để dụ cho trí vì báu dụ cho hành đều thành, dưới đây giải thích đều thành tựu. Y theo bốn thứ v.v... nghĩa là bốn vị Bồ-tát tuy quả chưa viên mãn, nhưng nhân hạnh đã viên mãn, nên nói là thành tựu. Tạng ban đầu duyên với Tứ đế sanh diệt phát thế gọi là Đại trí, thực hành sáu độ gọi là đại trí. Đản ba việc là không, cho đến Bát-nhã gọi là bổn hạnh. Thập Địa như Phật gọi là thành tựu. Biệt duyên vô lượng sanh giải gọi là đại trí thực hành vô lượng Ba-la-mật gọi là bổn hạnh. Đẳng giác gọi là tất thành tựu. Viên duyên vô tác phát tâm gọi là đại trí, nhất tâm muôn hạnh gọi là bổn hạnh. Trí Đẳng giác viên mãn gọi là tất thành tựu. Chính là giải hạnh đều thành tựu. Cho nên nói thấy đều. Đại kinh v.v... trở xuống trong sáu Ba-la-mật tuy có trí tuệ, do ở địa trước chẳng phải chân chứng. Cho nên thuộc phước đức trong sáu thứ, trí tuệ thì y theo địa trước, năm độ có cả chân nên đều thuộc về phước. Nên nay phước tuệ đều ở phần chân, cho nên nói rằng thành tựu đều do đầy đủ. Nay y theo dưới đây mà nêu bày. Các độ tức sáu độ, nhờ tu sáu độ nên căn mới được điều phục. Như kim cương v.v... trở xuống là y theo viên chánh nói về kim cương cho đến nghĩa đản. Kia tuy có ở cả ba, nay chỉ y theo viên. Xả sắc gọi là đản, sở xả là đồng, còn năng xả thì khác. Do năng xả khác cho nên chia giáo khác nhau. Nay năng xả tức nghĩa đản của ba quán Viên giáo. Dưới đây nói đản nghĩa gồm nhiếp. Nói nhiếp cả ba, ba chữ sợ sai lầm, nên nói nhiếp sáu. Kệ của luận Kim Cương nói đản nghĩa nhiếp đối với sáu tư sanh pháp vô úy. Trong đây một, hai, ba gọi là Tu Hành trụ. Vô Trước nói nếu không tinh tấn, biếng nhác thì chẳng thể nói pháp. Nếu không thiền định thì tham kính tin lợi dưỡng, tâm nhiễm nói pháp, nếu không có trí tuệ thì điên đảo nói pháp. Cho nên y theo dưới đây mà thuật ý. Do đản nhiếp sáu, cho nên chỉ y theo đản mà giải thích. Lại kinh v.v... trở xuống là nói đản do tuệ dẫn dắt. Tuệ không dẫn dắt thì chẳng đi đến Bồ-đề. Có tuệ dẫn dắt cho nên thành tựu Chánh giác. Người bác bỏ không phương tiện thì không có tuệ dẫn dắt. Ba việc đều không là chẳng thấy người cho, vật cho, người

nhận. Nếu y theo văn của số ở dưới thì lấy căn, trần, thức làm ba việc. Nếu ở dưới bỏ tiểu thì chẳng có phương tiện không, chẳng thể ngay nơi không là giả, là trung, gọi là không phương tiện. Bồ-tát v.v... trở xuống là nói về viên. Là không cũng không, do có phương tiện giả, trung cho nên chẳng dính mắc ở không, tức là năng không đối với không, cho nên nói “là không cũng không”. Do có phương tiện cho nên không đắm nhiễm mà năng v.v... trở xuống là do không đắm nhiễm nên ngay nơi không là giả. Tu đầy đủ muôn hạnh, thông đạt Phật giáo, đạt muôn hạnh kia tức là ba đế lý. Chính do trí này dẫn dắt đến Bồ-đề, chỉ nhãn v.v... trở xuống là kết bày ba tánh. Nếu nói về bốn tánh thì tự đầy đủ ba nhân nhãn căn, ngay trung là chính, ngay không là liễu, ngay giả là duyên. Nay thực hành một tánh, hai tu để nêu, tức chỉ cho lý trung sẵn có là chánh nhân. Đây là hợp tánh thành một. Rõ được điều này v.v... nghĩa là chẳng mê đắm ba việc mới xả bỏ trần lao. Đây là hợp tu thành hai để nói. Nếu đều khai thì rõ nhãn cũng có ba, năng xả cũng có ba. Ngài Kinh Khê nói: trí cũng có ba, chiếu cũng có ba, phước cũng có ba, giúp trí nghiêm gốc. Y theo đây v.v... trở xuống là chung cho ba pháp, lược nêu ba thứ, nên biết tất cả ba pháp đều là tên khác của ba nhân. Về bốn vị thì vị nên làm sự lầm lẫn của giáo chữ. Văn dưới đây v.v... trở xuống là phân biệt tất cả sắc: Tức sắc trong mười pháp giới. Sắc chẳng phải sắc, chẳng phải hai, sắc tức là sự, chẳng phải sắc tức là lý, sự lý tức như sóng và nước. Cho nên nói chẳng hai. Sự ướ lý tịnh, sự tức là lý. Cho nên nói thường tịnh.

Hỏi: Một nhà bàn lý đã đầy đủ tánh ác. Sao gọi là tịnh?

Đáp: Ác ở trong tánh thì ác hoàn toàn là thiện, lý thể không sai đâu nên ngăn cách. Như nói trong và đục, tánh đục hoàn toàn trong, châu đầy đủ tánh báu, báu tức là châu. Suy nghĩ sẽ thấy, từ điều phục v.v... trở xuống là nên so sánh các căn với mặt để giải thích ra. Như Tư Ích v.v... trở xuống là y theo nhãn căn để nói về năm độ còn lại. Nên đều nói về bốn giáo. Trong đó rộng, lược khác nhau, nhãn tiến đầy đủ bốn thứ. Thiên chia ra Đại Tiểu, hai độ giới tuệ. Tuy làm sáng tỏ nghĩa cũng gồm có bốn. Chẳng bị sáu trần lao làm thương tổn, ấy, nay nói về nhãn căn nên nói chẳng bị sắc trần làm thương tổn. Không ngại phi nghĩa. Ba tạng rõ sắc vô thường, Thông rõ tức không, Biệt rõ giả danh, Viên rõ trung đạo. Bốn giáo đương phần đều chẳng bị thương tổn. Năng nhãn cho đến Danh nhãn. Tiêu biểu nêu bày nghĩa nhãn thuận theo. Đối với nhân v.v... trở xuống y theo bốn giáo nói về nhãn. Xả sáu thứ v.v... trở xuống là nêu nghĩa tinh tấn. Nên nói sắc trần, nhãn căn nói

sáu thông nêu. Cũng ở dưới đây nói về bốn giáo làm sáng tỏ nghĩa v.v... nghĩa là Tạng rõ căn trần sanh diệt, Thông rõ tức không cho nên chẳng tạp nhiễm, Biệt chẳng tạp nhiễm đối với không, Viên chẳng tạp nhiễm hai bên là nghĩa tịnh. Là ưu v.v... trở xuống là nêu nghĩa thiền. Sơ thiền v.v... trở xuống là nói bốn giáo làm sáng tỏ thiền. Ban đầu nói về bốn thiền tức Tạng Thông. Sau được sáu căn hỗ dụng tức Biệt Viên. Trụ địa sơ thiền v.v... y theo về chi lâm công đức để nói. Sơ thiền năm chi, một giác, hai quán, ba hỷ, bốn lạc, năm nhất tâm. Hai thiền bốn chi, một bất khổ bất lạc, hai xả, ba niệm thanh tịnh, bốn nhất tâm. Tâm và định pháp gọi là chi nhất tâm. Nay nói trừ hỷ chưa rõ. Sáu căn có thiền v.v... từ bên nói sáu, ý hiển bày nhãn. Rốt ráo cùng tận, v.v... Tạng Thông rốt ráo dứt hết kiến tư, Biệt hết trần sa, Viên hết vô minh. Đương phần mà nói đều gọi là Rốt ráo. Như thị v.v... trở xuống là nêu chung hưởng về văn chính làm sáng tỏ nhãn căn sáu độ. Tám tướng là giáng sanh Đâu-suất, gá thai, giáng sanh, vượt thành, hàng ma, thành đạo, nói pháp, Niết-bàn. Do các Đức Phật dĩ lòng ứng đều nêu tám tướng này mà thành Phật đạo. Oai nghi, Tả Truyện chép: có oai đáng sợ gọi là oai. Có nghi đáng noi theo gọi là nghi. Nói về bốn giáo v.v... trở xuống là làm sáng tỏ bốn giáo, đều có oai nghi của Phật. Nghĩa là ba tạng hậu tâm, Thông Thập địa, Biệt sơ địa trở lên, viên Sơ trụ trở lên. Bốn thứ trí tuệ này rõ biết đầy đủ thì đều có khả năng thị hiện tám tướng thành đạo, gọi là oai nghi Phật mà chẳng đầy đủ. Vì sao? Vì Biệt giáo Diệu Giác, nhưng Viên hạnh thứ hai, Tạng thông cực quả chỉ bằng sáu căn, cho nên đều chẳng đầy đủ. Nhưng ba giáo trước về mặt quả thì không người. Điều ở đây nói là y theo quyền thuyết, chỉ gọi v.v... trở xuống là đầy đủ oai nghi của Phật, chỉ gọi là đẳng giác của Viên giáo.

Hỏi: Đẳng giác chưa cuối cùng, thì đâu được nói là có?

Đáp: quả tuy chưa tròn đầy nhưng nhân hạnh đã tròn đầy, nên được gọi là đầy đủ, đều có nghĩa Đại, như trước dùng bốn giáo giải thích đại trí. Ba tuy gọi đại vọng viên nhưng vẫn nhỏ, nên nói mà chẳng rốt ráo. Nay trung hạ chính là nêu viên trí, nên gọi là như biển. Về nêu tên tuy khen ngợi đức tốt nhưng chẳng bày danh. Chẳng biết người kia cho nên lược nêu bảy người, đều nói về Trung đạo. Văn-thù-sư-lợi, Hán dịch là Diệu Đức. Nếu thấy Phật tánh thì đầy đủ ba đức, chẳng ngang chẳng dọc, nên gọi là diệu đức. Về đồng tử, trong không pháp ái, như trẻ con ở thế gian không có tâm dục nhiễm. Bảo tức v.v... trở xuống là nói về thật trí, thường trú chẳng dời đổi, của báu đáng quý trọng cho nên tiêu biểu cho thật tướng, thật trí. Quyền là, tạm dùng rồi bỏ, như

trăng tròn rồi lại khuyết. Cho nên dùng trăng tiêu biểu cho phương tiện quyền trí. Ánh sáng mặt trăng nói về trí đoạn, từ ngày mồng một đến ngày mười lăm ánh sáng lần lần tăng thêm. Ví như đức trí. Từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi ánh sáng lần lần giảm ví như đức đoạn, tức mặt trăng Niết-bàn, dụ cho nghĩa Tam-muội. Về Kinh Bảo Tích, quán tâm tuy không, đầy đủ muôn hạnh, các báu muôn hạnh chứa nhóm trong lý nên nói là Bảo tích. Về Kinh Nhật Tạng thì trung đạo chánh quán như mặt trời, đầy đủ các pháp gọi là Tạng. Các hiền địa vị cùng Đẳng giác gọi là Hiền, nhường cực quả là Thánh, Phật là địa vị Thánh cao nhất. Bốn mươi hai vị đầy đủ gọi là Thánh, Diệu giác là giai vị trên hết trong các bậc Thánh. Trải qua mười sáu người tức đồng loại với Hiền Thủ. Kinh Di-lặc gọi là Từ Thị, đại từ vô duyên thu nhiếp các pháp, nhưng các Bồ-tát đều đầy đủ các đức, dẫn vật quy tâm đều rõ bày một hiệu, có thể hiểu như thế. Chính ở tự tâm thấy các Bồ-tát. Kinh Tịnh Danh nói các Đức Phật giải thoát nên đối với trong tâm hành chúng sanh mà cầu, là nghĩa ở đây. Nếu chúng phàm phu là thuận xưa mà đặt tên, hoặc y theo ngày nay, nên nói tạp chúng, vì trong đó phàm Thánh cả hai đều gồm, đạo tục xen nhau, tức có tám bộ danh. Bốn loại chúng tức kinh nói bốn chúng, tám bộ trời rồng. Trời: Là các vị trời cõi Dục, cõi Sắc. Rồng là đường súc sanh. Chánh báo như rắn, y báo như trời, cũng có khả năng biến hóa thành người, tám bộ do bốn vị vua trời thống lãnh. Phương Đông thống lãnh quý Càn-thát-bà, Phú-đơn-na. Phương Nam thống lãnh hai quý Bệ-lệ-đa và Cưu-bàn-trà, phương Tây thống lãnh hai quý Độc long, và Tỳ-xá-xà. Phương Bắc thống lãnh hai quý Dạ-xoa, và La-sát. Cộng chung thống lãnh tám bộ chẳng để cho khuấy rối người. Bốn chúng, xưa nói tại gia, xuất gia đều có hai, hợp thành bốn chúng. Đây gọi là hạn cuộc ý chẳng khắp, nay đối với một chúng lại chia làm bốn, tức đều có đương cơ. Năm trăm tức đồng loại, năm trăm vị Trưởng giả. Sau đắc đạo tức kia đây v.v... phát khởi, nghĩa là quyền mưu trí xét biết cơ, biết thời. Kích dương phát động thành tựu lợi ích như Nguyệt Cái dốc thỉnh và văn dưới đây Thân tử bạch Phật rằng: Phật nói thiên định bậc nhất v.v... ảnh hưởng nghĩa là các Đức Phật quá khứ, pháp thân Bồ-tát. Các Ngài đều ẩn viên cực giúp đỡ đấng Pháp Vương, tuy vô vi tác mà rất có lợi ích. Kết duyên nghĩa là sức không có khả năng dẫn đạo kích động, đức chẳng có công dụng hàng phục chúng sanh, trấn giữ trang nghiêm. Quá khứ căn cơ cạn cợt, ba tuệ chẳng sanh. Hiện tại nghe pháp không có lợi ích bốn tất, chỉ làm nhân duyên được độ ở vị lai, người, chẳng phải loài người: Người là bốn chúng, chẳng

phải loài người tức là trời rồng, v.v... Hoặc nói người, chẳng phải loài người, là nghi thần. Cung kính vi nhiều, Tu cung kính gọi là cung, sùng ngưỡng gọi là kính. Quanh khắp gọi là vi, ngồi khắp gọi là nhiều, hoặc thực hành đi nhiều là biểu thị cho cơ động. Bốn câu: 1. giới thừa đều gấp, giới gấp thọ báo trời, người, thừa gấp thấy Phật đắc đạo, tức kinh này trời người ở trong một hội. 2. Giới hoãn thừa gấp: giới hoãn đường sanh ác, thừa gấp thấy Phật đắc đạo. Nay rồng quỷ ở trong một hội. 3. Giới gấp thừa hoãn, giới gấp được thân trời, người, thừa hoãn chẳng được thấy Phật, dù cho được thấy Phật cũng chẳng nghe pháp đắc đạo. Như sáu ức ngôi nhà trong thành Xá-vệ và các vị trời ưa đắm dục lạc chẳng đến nghe pháp, đều là đó. 4. giới thừa đều hoãn, giới hoãn đọa đường ác, thừa hoãn không có lúc nào giải thoát. Giải thích do trong lời tựa ở đầu nêu năm xuất ý. Ý theo sự v.v... trở xuống: Chia làm hai. Ban đầu ý theo sự để hiểu kinh. Như trong Tịnh Danh Sở nghĩa là lược như trước đã ghi. Kinh thiết cấm cử ẩm thiết, nghĩa là không nói được. Nhân chủ v.v... Bạch Hổ Thông chép: gan lệ thuộc mắt, phổi lệ thuộc mũi, tim lệ thuộc miệng, tỳ lệ thuộc lưỡi, thân lệ thuộc tai. Cho nên biết kinh nói rằng lưỡi cấm không nghe được, tức hai tạng tim, gan bị bệnh, không tiếng là miệng không nói được. Cho nên chủ tâm bệnh. Đây là thịt đầy tim. Trong bụng bị bệnh, bụng thuộc thân, thức ý thức, tức lo lắng biết tâm. Năm căn bất lợi: căn nên nói là tạng, là sự lầm lẫn của chữ. Nghĩa là năm tạng bất lợi ngoài ứng năm căn, thành bệnh não. Đây là nói về bệnh từ trong phát ra, cũng có thể v.v... trở xuống là nói về bệnh từ ngoài vào. Như thấy lâu nghe lâu cho đến ăn uống đều thành bệnh. Cho nên có luận giả nói là từ ngoài vào, chính là bệnh duyên, vào làm tổn thương năm tạng, năm tạng đã bệnh, ngoài ứng với năm căn, năm căn cũng bệnh. Dạ-xoa, tân dịch âm là Dục-xoa, Hán dịch là Đông kiện, có khả năng bay lượn trong hư không. xưa dịch là quỷ Tiệp Tật, làm cho người trong nước bị bệnh não, tức là quỷ làm bệnh duyên. Do khí quỷ từ bên ngoài xâm nhập năm căn, làm tổn thương năm tạng, năm tạng thành bệnh trở lại ứng với năm căn. Từ trong răng xuất ra. Câu hoặc Viết là cấu, là sự lầm lẫn của chữ. Kinh luật Di Tướng, kinh Hiền Ngu, kinh Quán Phật Tam-muội Hải, đều viết là câu nha. Chữ câu có bộ kim, bộ tài đều được. Táng Đại Ký chép: vợ đối với chồng phải theo sự dẫn dắt của chồng. Kinh điển giải thích văn cấu tạo âm. Kinh xưa chữ có thể mang bộ tài, cho nên lầm là chữ cấu, kinh nói người hô hấp tinh khí ấy. Phổ Môn Sở chép: trong tim người có bảy giọt nước ngọt hòa dưỡng tinh thần, quỷ ăn một giọt khiến đau đầu, ăn ba giọt thì ngất xỉu, bảy giọt

liền chết. Hai là y theo lý giải thích lại. Nhất niệm ba ngàn tức không tức trung, kia đây xen nhau cùng khắp nên nói là vô biên, ba chương là ba đức chương, tánh là lành cho nên tánh lành. Mười thứ v.v... trở xuống là dùng mười loại người tu hành để giải thích tất cả dân chúng. Mười loại người tu hành chẳng ngoài ba đế pháp giới. Như tất cả dân chúng không ngoài nước Tỳ-xá-ly. Người chịu khổ báo, thì trời người chịu khổ, ví như so với Quảng Nghiêm bệnh nặng thì cũng thuộc về bốn đường ác, pháp lành thế gian, tức trong cõi người thực hành năm giới, mười điều lành. Nhị thừa thì hai giáo hợp nói chung. Bồ-tát thì bốn giáo chia luận. Ái kiến tức tư hoặc của giới nội. Tạng thông nội ngoại phạm. Biệt Viên ngoại phạm, đều chưa dứt bỏ, cho nên bệnh ấy tức y theo ba thứ sắc thanh v.v... cho đến bệnh tham, sân, si. Cõi biến dịch: Tức Phương tiện thật báo. Biệt vị ba mươi tâm: lại nêu chung, từ Thất Trụ trở lên mới sanh cõi Phương tiện, chịu thân biến dịch. Thập Tín của Viên giáo và Tạng Thông dứt hoặc hết người, đồng biệt ba mươi tâm. Biệt giáo đấng địa đồng viên Sơ Trụ. Văn tuy nêu khắp mà nghĩa đều nhiếp hết. Địa địa, chỗ nương tựa gọi là địa, chỉ chung các giai vị, đều có ái kiến, tức giới ngoại đồng thể vô minh. Bốn câu là bốn môn như vô thường v.v... đẳng lấy hai cũng cả hai, chẳng phải thường, tức có môn vô thường tức không môn. Cả hai có thể biết sự thật này v.v... vì đã giải nhất môn là đúng. Bác bỏ người giải ba môn là chẳng sai.

Hỏi: Nguyệt Cái thuộc người nào?

Đáp: kinh là phương đẳng chẳng thể nhất định thuộc. Nên biết Nguyệt Cái vốn là thứ mười, hoặc chỉ bày Sơ tâm Viên giáo. Hoặc nêu chung tám thứ trước. Từ lý khởi kiến gọi là Dạ-xoa. Kiến chẳng ngoài năm thứ. Kinh nói có năm căn, năm kiến như đã ghi ở trước. Câu nha, v.v... Nha đã từ dưới hưởng lên trên, làm tổn hại người. nghiệp cũng từ kiến mà khởi, tổn hại pháp thân, do kiến mà khởi nghiệp, làm nhân sanh tử. Thể của nghiệp đen tối cho nên nói như mực, năm trăm vị Trưởng giả, Phong Tục Thông chép: người cao tuổi đức lớn báo đáp việc lâu dài đối với người, đó là Trưởng giả. Nước kia có năm trăm gia đình, đều gọi là Ly-xa, truyền thiên làm vua. Ly-xa, Hán dịch là truyền thọ. Nước chính bởi do đây. Năm trăm vị Trưởng giả cùng thực hành đạo pháp. Quân sĩ dân chúng ai ai cũng quay về đức, mà Nguyệt Cái đứng đầu. Lúc bấy giờ làm người đứng đầu một nước. Cho nên phẩm Hương Tích trong kinh Duy-ma nói Trưởng giả chủ là Nguyệt Cái dẫn tám mươi bốn ngàn người đến. Đầu mặt làm lễ, Trí luận nói pháp lễ có ba, một là miệng lễ, hai là cong đầu gối chẳng sát đất, ba là đầu gối

sát đất, sát đất là thượng lễ. Kỳ-bà, Hán dịch là Cố hoạt, con vua Ảnh Kiên, Thiện kiến nói do Già Huynh Nại nữ sanh ra, xuất thai liền mang kim trúc túi thuốc, làm thầy thuốc trị bệnh cho đời, nghĩa là đây là đúng sự thật, vì chấp mình là đúng, bác bỏ người là sai. Nhân duyên sự tướng liền nhiếp, hữu kiến ngoại đạo. Diệu thuật bên ngoài, ngoại là ngoại đạo, chẳng phải ngoài bốn câu, chẳng thể chữa trị v.v... ban đầu một chỉ y thân bệnh, sau là ba y tâm, lại tăng thêm bệnh kiến ái. Năm căn chẳng rõ, nhãn ứng làm căn, mình là mình lợi. Ngoài bị năm trần xâm hại, cho nên chẳng sáng suốt lanh lợi. Vân vân: Là mười thứ hành nhân bị ái kiến xâm hại Cho nên thỉnh Quán Âm, Quán Âm cũng có mười thứ khác nhau. Thiên tôn nghĩa là các vị trời, người đời không thể hơn được. Cho nên nói Thiên tôn, cũng gọi là Thế tôn. Ngày xưa người dịch kinh hai tên dùng lẫn nhau. Đồ Hành khả đời Đường dịch Kinh Phật Đảnh Tối Thắng đều gọi là Thánh tôn.

